

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HC-ST

Ngày 06/12/2021

V/v khiếu kiện quyết định hành  
chính, hành vi hành chính trong lĩnh  
vực quản lý nhà nước về đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Như Hiên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Phú

Bà Nguyễn Thị Bích

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Giáp Thị Loan - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:** Ông Nhữ Đức Dũng  
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/11/2021 và ngày 06/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 46/TLST-HC ngày 12/9/2020 về việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2021/QĐXXST-HC ngày 11/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 31/8/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 16/2021/QĐST-HC ngày 29/9/2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 90/TB-TA ngày 27/10/2021 giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị C: Bà Nguyễn Việt H, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ X, thị trấn V, huyện X, tỉnh Hà Giang.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:** Luật sư Bùi Sinh Quyền và Luật sư Bạch Tuyết Hoa - Văn phòng Luật sư Phúc Thọ - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Số 23, phố Hồ Đắc Di, Nam Đồng, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

**Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch huyện.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:** Ông Mai Văn D, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Trọng B, sinh năm 1955

- Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
2. Bà H Thị L, sinh năm 1959  
Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
3. Anh Hà Hải S, sinh năm 1984  
Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
4. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do ông Nông Văn Thắng, chức vụ: Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật.
5. Ông Trạc Văn Th, sinh năm 1968  
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
6. Anh Trạc Văn Đ, sinh năm 1992  
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
7. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980  
Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
8. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987  
Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
9. Anh Trần Bá T, sinh năm 1973  
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
10. Anh Đào Văn B, sinh năm 1975 và chị Thăng Thị D, sinh năm 1978  
Cùng địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
11. Anh Giáp Văn Ch, sinh năm 1976 và chị Vi Thị Khuyên, sinh năm 1981  
Cùng địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
12. Ông Hoàng Nhét T, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Vi Thị T, sinh năm 1967  
Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang  
Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Nhét T:
- 12.1 Bà Vi Thị T, sinh năm 1967 (là vợ ông Tệt)  
Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang
- 12.2 Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1983 (con ông Tệt)  
Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang
- 12.3 Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1986 (con ông Tệt)  
Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang
- 12.4 Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1988 (con ông Tệt)  
Địa chỉ: An L, An L, huyện Th, thành phố Hải Phòng
- 12.5 Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1991 (con ông Tệt)  
Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
13. Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1972 và chị Lê Thị Ng, sinh năm 1981  
Địa chỉ hiện tại: Thôn Ph, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
14. Ông Lý Văn V, sinh năm 1967  
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
15. Ông Đào Văn B, sinh năm 1975 (đã chết)  
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông Đào Văn B:
- 15.1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983  
Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang
- 15.2. Chị Đào Thị Thùy Tr, sinh năm 2005  
Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/01/2018, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện Ông Hà Văn Đ và vợ là bà Nguyễn Thị C thống nhất trình bày:**

Năm 1995, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của ông Lý Công V 01 lô đất lâm nghiệp giáp quốc lộ 31 tại thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang tổng diện tích 10.000m<sup>2</sup>. Đến năm 1996, anh rể ông là Ông Trần Trọng B là công nhân L L nghỉ thôi việc theo chế độ 176, không có việc làm nên ông và ông B thống nhất viết giấy giao kèo đổi đất cho nhau ghi ngày 24/01/1996 để cùng làm kinh tế tăng thu nhập gia đình. Theo thỏa thuận này, vợ chồng ông nhận 06m mặt đường QL31, chiều sâu hết đất của gia đình Ông Trần Trọng B tại thôn L, xã Nghĩa Hồ diện tích là 72m<sup>2</sup> (tính từ trên xuống); còn gia đình ông B nhận 1/2 diện tích khu đổi tại xã T, tính cả diện tích mặt đường. Hai gia đình đã cùng nhau trồng vải thiều trên toàn bộ diện tích lô đất trên. Vì tình cảm anh em nên giữa ông và ông B thỏa thuận khi nào thuận lợi sẽ tách thửa. Đến năm 2001, ông B làm thủ tục tách 72m<sup>2</sup> đất cho gia đình ông nên gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn gia đình ông thì chưa tách trả 1/2 diện tích đất cho ông B như trong bản giao kèo đổi đất.

Đến năm 2009, gia đình ông lập phương án cải tạo vườn đôi hạ thấp độ cao toàn bộ diện tích mặt đường QL31 chiều sâu từ mép đường vào 40m được UBND xã T, Phòng Tài nguyên và môi trường, UBND huyện L phê duyệt và quyết định. Sau khi san lấp mặt bằng, gia đình ông đã viết giấy chuyển nhượng cho 04 hộ dân với 04 lô đất có diện tích mặt đường là 21m, có xác nhận của thôn, xã. Ngày 23/9/2010, hộ gia đình ông đã làm hồ sơ chuyển đổi mục đích diện tích 576m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp sang đất ở nông thôn được UBND huyện chấp nhận bằng quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 về việc chuyển mục đích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã T. Sau đó gia đình ông đã nộp thuế chuyển mục đích và làm thủ tục tách thửa cho 04 hộ dân trên, còn lại 324m<sup>2</sup> ông được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21/10/2010.

Ngày 24/12/2010, vợ chồng ông tiếp tục làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích 571m<sup>2</sup> từ đất lâm nghiệp sang đất ở nông thôn được UBND huyện chấp nhận theo Quyết định số 2237/QĐ-UBND và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác liền với đất, sổ cấp GCN: CH00073 do UBND huyện L cấp ngày 10/12/2010. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông đã chuyển nhượng cho 05 hộ gia đình với tổng diện tích là 288m<sup>2</sup>.

Tổng diện tích còn lại sau khi chuyển nhượng là 607m<sup>2</sup> vợ chồng ông bị UBND huyện L thu hồi để giao cho UBND xã T quản lý theo quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 về việc thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ, với lý do “Ông Hà Văn Đ không có nhu cầu sử dụng hết phần diện tích đất đã chuyển mục đích tại thôn Th; trình tự lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất thiếu văn bản xác nhận nhu cầu sử dụng đất ở quy định tại điểm c khoản 2 Quyết định 118/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Quyết định thu hồi trên, UBND huyện L tiếp tục ban hành Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 về việc hoàn trả số tiền đã nộp ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng.

Không đồng ý với các quyết định trên, ngày 01/9/2015, ông đã khiếu nại tới Chủ tịch UBND huyện L. Ngày 31/12/2015, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6819/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đ, giao thanh tra huyện tham mưu thu hồi 04 quyết định gồm: Quyết định số 1267/QĐ-UBND về việc chuyển đổi mục đích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã T; Quyết định số 2237/QĐ-UBND về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại xã T; Quyết định số 1011/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Đ; Quyết định số 1289/QĐ-UBND về việc hoàn trả số tiền đã nộp ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm mục đích sử dụng đất.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 6819/QĐ-UBND, ông tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền mà cho thanh tra đột xuất việc quản lý, sử dụng, chuyển đổi mục đích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 10.000m<sup>2</sup> đất lâm nghiệp của hộ gia đình ông. Dẫn đến việc thanh tra trái quy định của pháp luật về thanh tra như: Yêu cầu thanh tra đột xuất trùng lặp về nội dung, phạm vi đang bị khiếu nại lần 2 là vi phạm khoản 2 điều 7 Luật thanh tra; không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của công dân; không xem xét thanh tra có đúng thẩm quyền, đúng phạm vi hoạt động thanh tra hay không; không ban hành quyết định sau khi có ý kiến thanh tra mà Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ra văn bản số 2904/UBND-TCĐ ngày 25/8/2017 yêu cầu UBND huyện L thực hiện kết luận thanh tra số 208/KL-TTr ngày 15/6/2017 là trái quy định pháp luật về Luật khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật thanh tra, Luật tổ chức chính quyền địa phương, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Tại Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện L đã thu hồi hủy bỏ QĐ số 1267/QĐ-UBND và QĐ số 2237/QĐ-UBND về chuyển mục đích sử dụng đất. Việc ban quyết định số 1480 là thiếu căn cứ, không nêu rõ hai quyết định 1267 và quyết định 2237 vi phạm vào điều nào, khoản nào của văn bản pháp luật nào.

Ngày 02/11/2017 UBND huyện L ban hành quyết định số 1491/QĐ-UBND về việc hoàn trả lại số tiền cho ông đã nộp ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là không đúng quy định pháp luật.

Ngày 03/11/2017 UBND huyện L ban hành Quyết định số 1492/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 1.437m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất của hộ ông tại thôn Th, xã T, huyện L, giao cho UBND xã T quản lý là trái quy định pháp luật.

Do các quyết định hành chính nêu trên ban hành không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ nên ông Đ, bà C khởi kiện ra Tòa án đề nghị tuyên hủy 05 quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện L về việc thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ tại thôn Th, xã T, huyện L (Viết tắt: QĐ số 1011);

- Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND huyện L về việc

hoàn trả số tiền đã nộp ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (Viết tắt: QĐ số 1289);

- Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện về chuyển mục đích sử dụng đất tại xã T (Viết tắt: QĐ số 1480);

- Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND huyện L về việc hoàn trả lại số tiền cho Ông Hà Văn Đ đã nộp cho Ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (Viết tắt: QĐ số 1491);

- Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi diện tích 1.437m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất của hộ Ông Hà Văn Đ (Viết tắt: QĐ số 1492);

Đối với yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật, Ông Hà Văn Đ xin tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện này. Ngoài ra người khởi kiện không có yêu cầu gì khác.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ, bà C nhất trí với trình bày của người khởi kiện và có bổ sung như sau:**

Đối với Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện L thì việc thu hồi đất rừng sản xuất của hộ gia đình ông Đ là không đúng đối tượng. Hơn nữa, những hành vi vi phạm theo Kết luận của Thanh tra không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 64 Luật đất đai. Về nguồn gốc thửa đất bị thu hồi: Năm 1995 ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Lý Công V (đất lâm nghiệp đã được cấp GCNQSDĐ), năm 1999, 2010 ông Đ đã làm thủ tục chuyển đổi từ đất lâm nghiệp sang đất ở, nên dù GCNQSDĐ có cấp trái pháp luật cũng không thuộc trường hợp bị thu hồi (GNNQSDĐ đã có một lần chuyển nhượng, hai lần chuyển đổi quyền sử dụng đất).

Tương tự như vậy đối với các quyết định hành chính bị kiện của UBND huyện L đều căn cứ Kết luận thanh tra, nhưng Kết luận thanh tra không phải là quyết định hành chính để buộc UBND huyện L phải thực hiện. Do đó, các quyết định hành chính bị kiện lấy lý do thu hồi căn cứ vào Kết luận thanh tra là trái pháp luật cần phải hủy bỏ.

**Người bị kiện có quan điểm trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện như sau:**

Việc UBND huyện L ban hành các Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/11/2017; Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017; Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 là căn cứ Kết luận Thanh tra số 208/KL-TTr ngày 15/6/2017 của Thanh tra tỉnh Bắc Giang về việc quản lý, sử dụng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất lâm nghiệp của hộ Ông Hà Văn Đ tại thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là đúng quy định của pháp luật.

Về quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện L đã được thay thế bằng Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017; Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 đã bị thay thế bằng Quyết định số 1491/QĐ-

UBND ngày 02/11/2017. Do đó, quan điểm của UBND huyện L là đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị C.

Tại văn bản số 718/UBND-TNMT ngày 31 tháng 8 năm 2021 người bị kiện có quan điểm bổ sung như sau:

\* Các quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 09 hộ gia đình, cá nhân đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ Ông Hà Văn Đ, tại thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, gồm có:

- Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 21/10/2010, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân: Hoàng Nhét T, Giáp Minh Châm, Đào Văn B, Trịnh Văn Q.

- Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 28/9/2012, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Hoàng Bá Toàn.

- Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 28/9/2012, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M.

- Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 19/11/2012, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M.

- Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 27/5/2013, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trạc Văn Đ.

- Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 27/5/2013, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Trạc Văn Th.

\* Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các chủ sử dụng đất:

UBND huyện L hiện không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân nêu trên. Do đó, không cung cấp được cho Tòa án, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang yêu cầu các chủ sử dụng đất cung cấp cho Tòa án.

Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho 09 hộ gia đình, cá nhân nêu trên đều được thực hiện theo đúng, trình tự thủ tục quy định tại Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi thành Luật Đất đai 2003; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan trình bày:**

**1. Ông Trần Trọng B và bà H Thị L trình bày:** Thống nhất về nguồn gốc đất cũng như việc viết giấy giao kèo đổi đất ghi ngày 24/01/1996 mà Ông Hà Văn Đ đã trình bày ở trên. Đến năm 2009, thì gia đình ông B và gia đình ông Đ có thống nhất bàn bạc làm đơn xin phép san ủi diện tích phía giáp mặt đường QL31 để làm đất ở nông thôn và được UBND huyện L cấp phép đồng ý. Sau khi san ủi và thi công xong gia đình ông và ông Đ xuống phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L để tách sổ và sang tên cho gia đình ông bà nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Đ khi đó đang thế chấp vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L - Chi nhánh Biên Động nên chưa thực hiện việc sang tên và tách sổ được. Đến năm 2015, UBND huyện L ra quyết định thu hồi diện tích đất của Ông Hà Văn Đ trong đó có diện tích đất của gia đình ông mà ông Đ đã giao kèo đổi nhưng chưa kịp sang tên cho ông. Việc ông Đ khởi kiện các quyết định hành chính của UBND huyện L, ông là người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan có quan điểm là đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

ông Đ tuyên hủy các Quyết định hành chính mà UBND huyện L đã ban hành vì xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông Đ và gia đình ông. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

**2. Anh Hà Hải S trình bày:** Anh là con đẻ của Ông Hà Văn Đ bà bà Nguyễn Thị C. Bố mẹ anh có đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị hủy các quyết định hành chính L quan đến diện tích đất bị thu hồi, quan điểm của anh là đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

**3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan khác gồm các hộ gia đình:** Ông Giáp Minh Châm; Đào Văn B; Trịnh Văn Q; Hoàng Bá Toàn; Nguyễn Thị M; Nguyễn Thị M; Trạc Văn Đ; Trạc Văn Thành; Lý Văn V; chị Nguyễn Thị Th; ông Hoàng Nhét T (ông Tệt đã chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Vi Thị T, sinh năm 1967 (là vợ ông Tệt) và các con: Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1983, Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1986, Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1988; Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1991) đều có ý kiến trình bày: Các ông, bà có nhận chuyển nhượng đất từ Ông Hà Văn Đ. Sau đó đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ cho các hộ, đề nghị giữ nguyên các GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ gia đình. Việc ông Đ, bà C khởi kiện vụ án hành chính, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**4. UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang do ông Nông Văn Thắng - Chủ tịch đại diện theo pháp luật trình bày:** Nguồn gốc diện tích đất Ông Hà Văn Đ bị UBND huyện L thu hồi là ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Lý Công V năm 1995. Đến năm 1999, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ. Năm 2006, hộ Ông Hà Văn Đ có hợp đồng với Trường tiểu học Ph để mua đất đồi san lấp mặt bằng cho nhà trường. Năm 2009, hộ ông Đ tiếp tục mua đất đồi san lấp mặt bằng cho hai hộ dân khác là hộ ông Vi Văn Kỳ và hộ ông Lý Văn Lợi. Tuy nhiên, việc khai thác đất của hộ ông Đ đã vi phạm vào công trình đường bộ và hành lang giao thông nên đã bị Thanh tra Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang lập biên bản xử lý vi phạm hành chính ngày 07/5/2009. Đến ngày 12/5/2009, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện L và UBND xã T đã lập biên bản đình chỉ hành vi nêu trên.

Từ ngày 23/9/2010 đến ngày 24/10/2010, Ông Hà Văn Đ làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng rừng sang đất ở nông thôn diện tích là 1.174m<sup>2</sup>, đất hành lang giao thông là 1567m<sup>2</sup>. Số tiền ông Đ nộp vào ngân sách Nhà nước là 430.166.000 đồng. Khi Ông Hà Văn Đ làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất nêu trên thì UBND xã T chỉ xác nhận vào biên bản thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, còn Ông Hà Văn Đ không có biên bản xin xác nhận về nguồn gốc đất và đơn xin xác nhận đối với diện tích đất chuyển đổi với UBND xã T. Trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất về thủ tục cũng không niêm yết công khai tại UBND xã T. Căn cứ hồ sơ của ông Đ gửi UBND huyện L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thể hiện:

- Ngày 23/9/2010, UBND huyện L ban hành Quyết định số 1267/QĐ-UBND cho hộ ông Đ chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở diện tích 576m<sup>2</sup>. Ngày 01/10/2010 ông Đ đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tổng diện tích 252m<sup>2</sup>, nằm trong diện tích 576m<sup>2</sup> cho 04 hộ gồm hộ ông Đoàn Văn Bảo, hộ ông Giáp Văn Ch, hộ ông Hoàng Nhét T và hộ ông Trịnh Văn Q. Sau khi chuyển

nhượng cho các hộ nêu trên, ngày 21/10/2010, ông Đ đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất còn lại là 324m<sup>2</sup>.

- Ngày 21/10/2010, hộ ông Đ chuyển đổi 571m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 8.622m<sup>2</sup> đất rừng thành đất ở. Trong thời gian từ tháng 08 đến 12/2012 ông Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 05 hộ gồm: Hộ ông Trần Bá T, hộ ông Trạc Văn Đ, hộ Ông Trạc Văn Th, hộ bà Nguyễn Thị M và hộ bà Nguyễn Thị M với tổng diện tích 288m<sup>2</sup> trong diện tích 571m<sup>2</sup> đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Ngày 21/5/2015, UBND huyện L ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ với diện tích 607 m<sup>2</sup> đất ở thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang gồm: 180m<sup>2</sup> đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00037; diện tích 427m<sup>2</sup> đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CH00073. Diện tích đất hộ ông Đ bị thu hồi hiện nay UBND huyện L tạm giao cho UBND xã T quản lý.

Về quá trình thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Đ và các hộ nhận chuyển nhượng được làm thủ tục đầy đủ tại UBND xã T. Hiện nay các hộ nhận chuyển nhượng đất từ ông Đ vẫn sử dụng ổn định và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một số hộ đã xây dựng nhà ở và công trình phụ trên đất.

Về việc ông Đ khiếu kiện các Quyết định hành chính của UBND huyện L, UBND xã T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Ngoài ra, ông Lý Văn V trình bày bổ sung:** Ngày 08/6/2009 ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 122,5m<sup>2</sup> đất vườn của ông Đ, địa chỉ thửa đất tại thôn Th, xã T, huyện L. Việc chuyển nhượng này hai bên có lập giấy chuyển quyền sử dụng đất. Hiện tại ông Voòng chưa được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Ông Voòng có ý kiến đề nghị UBND huyện L xem xét cấp GCNQSDĐ theo quy định pháp luật cho gia đình ông.

**Ông Giáp Minh Châm, vợ là bà Vi Thị Khuyên trình bày bổ sung:** Năm 2009 vợ chồng ông bà có mua một diện tích đất của ông Đ tại thôn Th, xã T. Đến ngày 21/10/2010 ông, bà được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ tại quyết định số 1511/QĐ-UBND. Sau đó ông bà đã chuyển nhượng diện tích đất này cho bà Nguyễn Thị Th ở cùng thôn. Nay ông Đ khởi kiện vụ án hành chính, ông bà có ý kiến việc UBND huyện L cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này cho ông bà là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

**Chị Nguyễn Thị Th trình bày bổ sung:** Gia đình chị có nhận chuyển nhượng diện tích 60m<sup>2</sup> đất của vợ chồng ông Châm, bà Khuyên tại thôn Th, xã T. Việc mua bán đất này là hợp pháp và đã được chỉnh lý sang tên ngày 26/01/2011. Đề nghị giữ nguyên GCNQSDĐ đã được chỉnh lý sang tên cho gia đình chị. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà C, đề nghị Tòa án giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Qua tranh luận và đối đáp các đương sự giữ nguyên ý kiến quan điểm đã trình bày.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:**



Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghe thẩm vấn và tranh luận tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Hà Văn Đ, bà Nguyễn Thị C về hủy các quyết định hành chính của UBND huyện L:

+ Hủy Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện L về việc thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ tại thôn Th, xã T, huyện L;

+ Hủy Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND huyện L về việc hoàn trả số tiền đã nộp ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất;

+ Hủy Quyết định số 6819/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của Ông Hà Văn Đ, thôn L, xã Nghĩa Hồ, huyện L (lần 1);

+ Hủy Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện về chuyển mục đích sử dụng đất tại xã T;

+ Hủy Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND huyện L về việc hoàn trả lại số tiền cho Ông Hà Văn Đ đã nộp cho Ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất;

+ Hủy Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi diện tích 1.437m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất của hộ Ông Hà Văn Đ tại thôn Th, xã T, huyện L giao cho UBND xã T quản lý.

- Buộc UBND huyện L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Thông qua công tác kiểm sát giải quyết vụ án, kiến nghị UBND huyện L cần tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn để tránh xảy ra những vi phạm, thiếu sót tương tự. Đối với Kết luận thanh tra số 208/KL-TTr ngày 15/06/2017 của Thanh tra tỉnh Bắc Giang, tuy đây không phải là quyết định hành chính nhưng nội dung kết luận thể hiện đánh giá, nhận xét, kiến nghị L quan đến thu hồi đất hộ ông Hà Văn Đ để giao UBND xã T, L quản lý là thiếu căn cứ pháp luật, cần kiến nghị xem xét hủy bỏ những nội dung không đúng quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[I]. Về thủ tục tố tụng:**

### **[1]. Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:**

Các quyết định bị kiện do UBND huyện L ban hành L quan đến Ông Hà Văn Đ là quyết định hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang được quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Sau khi nhận được các quyết định hành chính L quan tới thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoàn trả tiền, giải quyết khiếu nại... Ông Đ và bà C không đồng ý và có đơn khởi kiện đến Tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã giải quyết sơ thẩm lần đầu tại Bản án số 07/2019/HC-ST ngày 01/3/2019; Bản án hành chính phúc thẩm số 103/2020/HCPT ngày 25/5/2020 của TANDCC tại Hà Nội đã hủy Bản án số 07/2019/HC-ST ngày 01/3/2019 của TAND tỉnh Bắc Giang, giao hồ sơ cho TAND tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, xác định ông Đ, bà C khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

**[2]. Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng:** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan trong vụ án vắng mặt đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

### **[III]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị C:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 173 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của ông Đ, bà C.

Ông Hà Văn Đ và vợ là bà Nguyễn Thị C khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên hủy các quyết định hành chính sau:

1. Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện L về việc thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ tại thôn Th, xã T, huyện L;

2. Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND huyện L về việc hoàn trả số tiền đã nộp ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất;

3. Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện Lục Ngạn về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện về chuyển mục đích sử dụng đất tại xã T;

4. Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND huyện L về việc hoàn trả lại số tiền cho Ông Hà Văn Đ đã nộp cho Ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất;

5. Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi diện tích 1.437m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất của hộ Ông Hà Văn Đ (Viết tắt: QĐ số 1492);

Căn cứ Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án xem xét các quyết định hành chính bị kiện và các quyết định hành chính có L quan tới quyết định hành chính bị kiện là các quyết định sau đây:

1. Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 về việc chuyển đổi mục đích và cấp GCNQSDĐ tại thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cho hộ Ông Hà Văn Đ;

2. Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 về chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cho hộ Ông Hà Văn Đ;

3. Quyết định số 6819/QĐ-UBND 31/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện L về giải quyết khiếu nại của Ông Hà Văn Đ (lần 1);

4. Các quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 09 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 09 hộ dân. (Phần phần L quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà C).

**[1]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện L về việc thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ tại thôn Th, xã T, huyện L:**

**[1.1]. Về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục:** Việc thu hồi đất được UBND huyện ban hành bằng quyết định thu hồi đất là đúng về hình thức và thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013; Điều 98 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

**[1.2]. Về nội dung:**

Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 thu hồi diện tích 607m<sup>2</sup> đất ở nông thôn của hộ ông Đ, địa chỉ đất tại Thôn Th, xã T, huyện L, có nội dung:

+ Thu hồi diện tích 180m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn đã được cấp GCNQSDĐ số BD156585, do UBND huyện L cấp ngày 21/10/2010.

+ Thu hồi diện tích 427m<sup>2</sup> đất ở tại nông thôn của hộ ông Đ đã được cấp GCNQSDĐ số BD199308, do UBND huyện L cấp ngày 10/12/2010.

Lý do thu hồi diện tích đất của hộ ông Đ là: “Hộ Ông Hà Văn Đ không có nhu cầu sử dụng hết phần diện tích đất ở đã chuyển mục đích tại thôn Th, xã T; trình tự lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất thiếu văn bản xác nhận nhu cầu sử dụng đất ở theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 2 Quyết định số 118/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang”.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền cho người bị kiện đều thừa nhận: Việc thu hồi đất tại Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện L đối với hộ Ông Hà Văn Đ căn cứ vào Kết luận thanh tra số 208/KL-TTr ngày 15/6/2017 của Thanh tra tỉnh Bắc Giang mà không căn cứ vào quy định của Luật đất đai về các trường hợp nhà nước thu hồi đất.

Về nội dung này Hội đồng xét xử thấy:

Luật đất đai năm 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất như sau: Điều 61: Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; Điều 62: Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Điều 64: Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai; Điều 65: Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người.

Theo quy định của pháp luật, Kết luận thanh tra số 208/KL-TTr ngày 15/6/2017 của Thanh tra tỉnh Bắc Giang là kết luận của cơ quan chuyên ngành, không phải là quyết định hành chính của cơ quan cấp trên để buộc UBND huyện L phải thực hiện. Kết luận thanh tra số 208/KL-TTr ngày 15/6/2017 cũng không phải

là văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ viện dẫn áp dụng để UBND huyện L ban hành quyết định thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ.

Đối chiếu quy định về các trường hợp nhà nước thu hồi đất, cùng sự phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: UBND huyện L ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 thu hồi diện tích 607m<sup>2</sup> đất ở nông thôn của hộ ông Đ, địa chỉ đất tại Thôn Th, xã T với lý do: “Hộ Ông Hà Văn Đ không có nhu cầu sử dụng hết phần diện tích đất ở đã chuyển mục đích tại thôn Th, xã T; trình tự lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất thiếu văn bản xác nhận nhu cầu sử dụng đất ở theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 2 Quyết định số 118/2009/QĐ-UBND ngày 06/11/2009 của UBND tỉnh Bắc Giang” là không đúng theo quy định pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Hà Văn Đ, bà Nguyễn Thị C, hủy Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện L về việc thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ tại thôn Th, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**[2]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND huyện L về việc hoàn trả số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:**

Do Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện L về thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ không có căn cứ nên Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND huyện L về việc hoàn trả số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là chưa có căn cứ, chưa đảm bảo quy định của pháp luật. Mặt khác, việc tính số tiền để hoàn trả cho Ông Hà Văn Đ đã nộp vào ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất chưa có căn cứ cụ thể, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị C, hủy Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND huyện L về việc hoàn trả số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất.

**[3]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ Quyết định số 6819/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của Ông Hà Văn Đ:**

Mặc dù quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 về thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ và quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 về việc hoàn trả số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước của UBND huyện L không đúng quy định của pháp luật về thu hồi đất và căn cứ trả tiền cho hộ Ông Hà Văn Đ như quyết định giải quyết khiếu nại số 6819 đã kết luận. Nhưng quyết định giải quyết khiếu nại số 6819/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện L lại không chấp nhận khiếu nại của Ông Hà Văn Đ để hủy 02 quyết định này. Theo quy định tại Điều 61, Điều 62, Điều 64, Điều 65 Luật đất đai năm 2013; Điều 98 Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011. Nên cần hủy quyết định hành chính có L quan là quyết định giải quyết khiếu nại số 6819/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của Ông Hà Văn Đ.

**[4]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số**

**1267/QĐ-UBND và Quyết định số 2237/QĐ-UBND về chuyển mục đích sử dụng đất:**

**[4.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục:** Đảm bảo theo quy định tại Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 98 Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

**[4.2]. Về nội dung:**

Quyết định này căn cứ Kết luận thanh tra số 208/KL-TTr ngày 15/6/2017 của Thanh tra tỉnh là không đúng pháp luật. Bởi vì, Kết luận Thanh tra của Thanh tra tỉnh không phải là văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ ban hành quyết định thu hồi hủy bỏ quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định pháp luật. Mặt khác, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 103/2020/HCPT của TANDCC tại Hà Nội nhận định quyết định số 1480 không đưa ra được căn cứ thu hồi đất đối với hộ ông Đ. Quyết định này hủy quyết định số 1267 và quyết định số 2237 mà không đưa ra được căn cứ đầy đủ theo quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử thấy cần hủy Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 về chuyển mục đích sử dụng đất.

**[5]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi diện tích 1.437m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất của hộ ông Đ giao cho UBND xã T quản lý:**

**[5.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục:** Về thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất đã đảm bảo theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, UBND huyện L đã giao các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện để kiểm tra, xem xét, có báo cáo, tờ trình để UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định hoàn trả số tiền đã nộp ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là đã đảm bảo về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

**[5.2]. Về nội dung:**

Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện L không nêu được căn cứ thu hồi đất theo quy định. Mặt khác, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho người bị kiện cũng thừa nhận việc thu hồi đất của hộ ông Đ là căn cứ và Kết luận thanh tra số 208/KL-Ttr ngày 15/6/2017 của Thanh tra tỉnh Bắc Giang. Về nội dung này cũng được Bản án hành chính phúc thẩm số 103/2020/HCPT nhận định Quyết định số 1492/QĐ-UBND chưa làm rõ được căn cứ, lý do của việc thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai.

Tại Quyết định số 1480/QĐ-UBND của UBND huyện L đang có hiệu lực pháp luật. UBND huyện L đã ban hành quyết định thu hồi hủy bỏ quyết định chuyển mục đích sử dụng đất số 1267/QĐ-UBND và quyết định số 2237/QĐ-UBND của hộ ông Đ. Về mặt pháp lý hộ ông Đ không còn quyền sử dụng đất ở được chuyển đổi mục đích sử dụng theo các quyết định trên, mà đất của hộ ông Đ chuyển về tình trạng pháp lý là đất rừng sản xuất như ban đầu.

Việc thu hồi đất cần thực hiện theo quy định của Luật đất đai và các văn bản L quan nhưng Ủy ban nhân dân huyện L lại căn cứ vào Kết luận thanh tra số 208 là không đúng quy định.

Như vậy, về căn cứ thu hồi đất ở của hộ ông Đ đối với diện tích 1.437m<sup>2</sup> không rõ ràng, chưa căn cứ theo quy định tại các Điều 61, 62, 64, 65 Luật Đất đai năm 2013. Nên HĐXX thấy cần hủy Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi diện tích 1.437m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất của hộ ông Đ tại thôn Th, xã T, huyện L giao cho UBND xã T quản lý.

**[III]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định hành chính có L quan đến các quyết định hành chính bị kiện là: Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 của UBND huyện L về việc chuyển mục đích và cấp GCNQSDĐ cho hộ Ông Hà Văn Đ tại xã T, huyện L; Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND huyện L về việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ Ông Hà Văn Đ tại xã T, huyện L và 09 GCNQSDĐ của 09 hộ dân:**

**[1]. Đối với Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND huyện L:**

Bản án hành chính phúc thẩm số 103/2020/HCPT ngày 25/5/2020 của TANDCC tại Hà Nội đã kiến nghị: Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang về việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sang đất ở nông thôn đối với hộ gia đình Ông Hà Văn Đ là vi phạm nghiêm trọng, có dấu hiệu của vụ án hình sự; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bắc Giang xem xét, khởi tố vụ án hình sự L quan đến vi phạm quy định về quản lý đất đai tại huyện L, tỉnh Bắc Giang do việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trái pháp luật từ đất rừng phòng hộ sang đất ở nông thôn với diện tích rất lớn của cá nhân, tập thể có L quan đối với hộ gia đình Ông Hà Văn Đ.

Tại Công văn số 6225/UBND-TCD ngày 23/11/2021, Công văn số 3877/UBND-TCD ngày 31/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã trả lời: Việc sai phạm của các tổ chức, cá nhân có L quan tới việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ ông Đ như kiến nghị của Bản án phúc thẩm đã được xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

Đối với Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện L cần thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có L quan.

**[2]. Đối với 09 GCNQSDĐ của 09 hộ dân:**

Bản án hành chính phúc thẩm số 103/2020/HCPT ngày 25/5/2020 của TANDCC tại Hà Nội cũng kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét, xử lý giải quyết dứt điểm đối với 09 hộ gia đình đã nhận chuyển nhượng đất của Ông Hà Văn Đ (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tại Công văn số 6225/UBND-TCD ngày 23/11/2021 và Công văn số 3877/UBND-TCD ngày 31/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đề nghị Tòa án giữ nguyên GCNQSDĐ cho 09 hộ dân. UBND huyện L cũng có quan điểm tương tự về nội dung này.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ ông Đ, căn cứ khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, do người được cấp GCNQSDĐ đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nên không thu hồi GCNQSDĐ. Do vậy, không cần thiết phải hủy Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND huyện L theo quy định của pháp luật.

**[IV]. Hội đồng xét xử sơ thẩm kiến nghị:**

1. Đối với phần diện tích đất còn lại đã được chuyển mục đích sử dụng tại Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND huyện L, sau khi đã chuyển nhượng cho 09 hộ dân như đã liệt kê; Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang thực hiện chức năng quản lý hành chính về đất đai theo đúng quy định pháp luật.

2. Đối với Kết luận thanh tra số 208/KL-TTr ngày 15/6/2017 của Thanh tra tỉnh Bắc Giang, theo quy định của pháp luật Kết luận thanh tra không phải là quyết định hành chính; nhưng nội dung Kết luận thanh tra số 208/KL-TTr thể hiện đánh giá, nhận xét, kiến nghị:

“Yêu cầu UBND huyện L:

1.1. Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định số 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND huyện L về chuyển mục đích sử dụng đất tại xã T vì đã ban hành trái pháp luật.

1.2. Giữ nguyên GCNQSD đất ở của 09 hộ đã nhận chuyển nhượng 540m<sup>2</sup> của hộ ông Đ.

1.3. Thu hồi diện tích 607m<sup>2</sup> đất ông Đ đã được chuyển mục đích sử dụng sang đất ở còn lại sau khi ông Đ đã chuyển nhượng cho 09 hộ. Giao cho UBND xã T quản lý theo quy định của pháp luật.

1.4. Giao cho cơ quan chuyên môn tính toán trả lại ông Đ số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước khi được chuyển mục đích sử dụng đất đối với 607m<sup>2</sup> đất ông Đ đã bị thu hồi do được chuyển mục đích sử dụng trái pháp luật. Kiểm tra việc kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân từ việc chuyển nhượng đất của hộ ông Đ.

*(Diện tích 1.147m<sup>2</sup> ông Đ đã nộp tiền đất ở khi chuyển mục đích sử dụng đất vào ngân sách, sau khi hủy bỏ các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, về nguyên tắc phải hoàn trả ông Đ. Tuy nhiên, do ông Đ đã được hưởng lợi từ việc chuyển nhượng cho 09 hộ với diện tích 540m<sup>2</sup>. Mặt khác L quan đến việc khai thác, san lấp đất vườn cho 02 hộ ở khu vực Cầu Sài, ông Đ đã được hưởng lợi từ việc nhận của các hộ diện tích khoảng 800m<sup>2</sup>. Do vậy chỉ xem xét hoàn trả số tiền tương ứng với diện tích 607m<sup>2</sup> ông Đ chưa chuyển nhượng nay không được chuyển mục đích sử dụng sang đất ở)”* là chưa đầy đủ căn cứ theo quy định của pháp luật. Phần nội dung Kết luận này, Hội đồng xét xử kiến nghị UBND tỉnh Bắc Giang, Thanh tra nhà nước tỉnh Bắc Giang xem xét, xử lý theo quy định pháp luật như kiến nghị của đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa sơ thẩm.

**[V]. Về án phí:** - Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên căn cứ Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

ngày 30/12/2016 hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Ông Hà Văn Đ, bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

- Do bị hủy quyết định hành chính bị kiện nên căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án UBND huyện L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

**[VI]. Về quyền kháng cáo:** đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 61, Điều 62, Điều 64, Điều 65 Luật đất đai năm 2013; Điều 98 Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Điều 28, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Điểm b, khoản 2 Điều 27 Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Khoản 5, Điều 87, Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 12, khoản 1, 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Hà Văn Đ, bà Nguyễn Thị C đối với yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang L quan tới việc không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị C:

- Hủy Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện L về việc thu hồi đất của hộ Ông Hà Văn Đ tại thôn Th, xã T, huyện L;

- Hủy Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND huyện L về việc hoàn trả số tiền đã nộp ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất;

- Hủy Quyết định số 6819/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của Ông Hà Văn Đ, thôn L, xã Nghĩa Hồ, huyện L (lần 1);

- Hủy Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 và Quyết định 2237/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện về chuyển mục đích sử dụng đất tại xã T;

- Hủy Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND huyện L về việc hoàn trả lại số tiền cho Ông Hà Văn Đ đã nộp cho Ngân sách nhà nước do thu hồi, giảm diện tích chuyển mục đích sử dụng đất;

- Hủy Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của UBND huyện L về việc thu hồi diện tích 1.437m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất của hộ Ông Hà Văn Đ tại thôn Th, xã T, huyện L giao cho UBND xã T quản lý.



3. Về án phí: Ông Hà Văn Đ và bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả Ông Hà Văn Đ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2010/000677 ngày 09/4/2018 và 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2018/000248 ngày 14/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang

- Ủy ban nhân dân huyện L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết theo qui định của pháp luật.

**Nơi nhận :**

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Như Hiên**

